

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HC-PT
Ngày: 19/01/2021.
V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 373/2020/TLPT-HC ngày 17 tháng 7 năm 2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 242/2021/QĐPT-HC ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Phạm Văn C; nơi cư trú: Xóm X, thôn G, xã A, huyện T, tỉnh N; có mặt.

2. *Người bị kiện:* Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N. Địa chỉ trụ sở: 15A đường P, phường B, thành phố N, tỉnh N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đức T - Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 31-12-2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Phạm Văn C trình bày: Bố, mẹ liệt sỹ Phạm Văn Đ chết từ nạn đói năm 1945; mẹ ông là cụ Phạm Thị D là cô ruột đã nhận nuôi ông Phạm Văn Đ, khi đó ông Đ mới 13 tuổi. Ông Đ nhập ngũ tháng 2/1953 và mất tích; đến năm 1999, thì ông cùng với huyện đội tìm thấy mộ liệt

sỹ tại nghĩa trang Nam Hải và đã được lập hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt, được Chính phủ cấp Bằng Tổ quốc ghi công. Đến năm 2003, ông được Nhà nước chi trả 600.000 đồng tiền thờ cúng, 240.000 đồng tiền báo tử, tổng cộng là 840.000 đồng. Còn tiền được Chính phủ hướng dẫn chi trả (từ Điều 19 - Điều 24) cụ thể là tiền nuôi dưỡng, tiền mai táng phí, tiền tuất ban đầu và một số tiền lật vật khác với số chi trả của Chính phủ theo Bằng Tổ quốc ghi công thì ông chưa nhận được. Ông đã nhiều lần khiếu nại nhưng chưa được giải quyết, đến ngày 08/10/2019 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có Công văn số 1903/SLĐTBXH-NCC trả lời đơn thư. Bố mẹ liệt sỹ chết, mẹ ông là cô ruột đã nuôi liệt sỹ từ năm 13 tuổi đến năm 20 tuổi đi bộ đội nhưng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cho rằng mẹ ông chỉ nuôi liệt sỹ đến năm 16 tuổi nên mẹ ông không đủ tiêu chuẩn. Ông không nhất trí vì theo quy định của Chính phủ là quy định đối với liệt sỹ hy sinh từ năm 1994 trở về trước thì tính truy lĩnh từ năm 1995 trở về sau tính tiền nuôi dưỡng hàng tháng nhưng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không chấp nhận yêu cầu của ông, không làm rõ kiến nghị của ông về việc mẹ ông có công nuôi.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã gửi văn bản giải quyết theo đơn nhưng Sở không giải quyết và có quyết định yêu cầu ông chấp hành. Ông không chấp hành và Bộ đã giao cho Cục người có công trả theo Nghị quyết số 54 của Chính phủ nhưng ông không đồng ý với lý do hồ sơ của liệt sỹ phải trả theo năm 2003 mới đúng pháp luật. Đến tháng 5/2013, ông nhận được thông báo của Chánh thanh tra Nguyễn Văn T là Bộ Lao động - Thương binh và xã hội không có thẩm quyền. Ngày 20/5 ông đã lên Bộ Lao động - Thương binh và xã hội hỏi và được trả lời là giao cho Cục người có công. Cục người có công trả lời trách nhiệm chi trả thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và xã hội.

Ngày 31/12/2019, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết huỷ bỏ Công văn số 1903/SLĐTBXH-NCC ngày 08/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N.

Theo người bị kiện trình bày: Tháng 6/2003, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận liệt sỹ đối với ông Phạm Văn Đ, nguyên quán: xã N, huyện T, tỉnh N do các cơ quan chức năng chuyển đến. Sau khi xem xét, thẩm định hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và trình Thủ tướng Chính phủ xét công nhận ông Phạm Văn Đ là liệt sỹ và được tặng Bằng “Tổ quốc ghi công” số GE 357 theo Quyết định số 1077/TTg ngày 29/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi ông Phạm Văn Đ được công nhận là liệt sỹ, căn cứ quy định về chính sách tại thời điểm năm 2003 và hồ sơ đề nghị công nhận liệt sỹ do ông Phạm Văn Đ kê khai, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã giải quyết cho ông Đ được nhận các khoản trợ cấp theo quy định, bao gồm: Trợ cấp thờ cúng liệt sỹ 600.000đồng; chi phí lễ báo tử 240.000đồng. Sau đó ông Phạm Văn Đ có đơn đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét giải quyết chế độ tuất công nuôi liệt sỹ Phạm Văn Đ cho cụ Phạm Thị D, vì theo ông Đ cụ Phạm Thị D có công nuôi liệt sỹ từ lúc 13 tuổi đến tuổi trưởng thành. Căn cứ điểm 4

Điều 19 Nghị định số 28/NĐ-CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ quy định: *“Người có công nuôi liệt sỹ là người đã thật sự nuôi dưỡng liệt sỹ từ nhỏ; đối xử với liệt sỹ như con đẻ; thời gian nuôi từ 10 năm trở lên khi liệt sỹ còn dưới 16 tuổi; trường hợp nuôi liệt sỹ ở thời kỳ sơ sinh hoặc đang bị tai họa lớn mà đã nuôi liệt sỹ từ 5 năm trở lên khi còn dưới 16 tuổi ...”* thì được giải quyết chế độ công nuôi liệt sỹ. Nghiên cứu hồ sơ liệt sỹ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thấy cụ D đã nuôi liệt sỹ từ năm 13 tuổi đến 16 tuổi là 4 năm. Do vậy, trường hợp cụ D chưa đủ điều kiện để được giải quyết trợ tuất công nuôi liệt sỹ.

Quá trình giải quyết kiến nghị của ông Phạm Văn C, Cục Người có công, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh N cũng đã có văn bản trả lời trường hợp cụ Phạm Thị D chưa đủ điều kiện để được giải quyết trợ cấp tuất công nuôi liệt sỹ.

Năm 2019, ông Phạm Văn C tiếp tục có đơn yêu cầu Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, giải quyết trợ cấp tuất công nuôi liệt sỹ Phạm Văn Đ đối với bà Phạm Thị D. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có các Văn bản số 1269/SLĐTBXH-NCC ngày 16/7/2019, Văn bản số 1903/SLĐTBXH-NCC ngày 08/10/2019 trả lời ông Phạm Văn C về việc đề nghị của ông là không thực hiện được.

Sau khi nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” và hồ sơ liệt sỹ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã thực hiện các công việc như quyết định cấp giấy chứng nhận và trợ cấp tiền tuất gia đình liệt sỹ, lập phiếu trợ cấp tiền tuất gia đình liệt sỹ. Căn cứ hồ sơ liệt sỹ và quy định tại điểm a khoản 2 phần IV mục A Thông tư liên tịch số 16/1998/TTLT-BLĐTBXH-BQP-BCA ngày 25/11/1998 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quốc phòng, Bộ Công an quy định về trách nhiệm giải quyết quyền lợi đối với gia đình liệt sỹ. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thấy liệt sỹ Phạm Văn Đ được Thủ tướng Chính phủ quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” ngày 29/9/2003; bà Phạm Thị D chết năm 2000. Do vậy, việc giải quyết chế độ trợ cấp tuất công nuôi liệt sỹ đối với người đã chết là không thực hiện được.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 4 Điều 19 Nghị định số 28/NĐ-CP ngày 29-4-1995 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C về việc yêu cầu huỷ Công văn số 1903/SLĐTBXH-NCC ngày 08/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/6/2020, ông Phạm Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phạm Văn C đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Phạm Văn C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 08/10/2019, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N ban hành Công văn số 1903/SLĐTBXH-NCC về việc trả lời đơn thư của ông Phạm Văn C. Ngày 31/12/2019, ông Phạm Văn C khởi kiện đề nghị Tòa án huỷ bỏ Công văn số 1903/SLĐTBXH-NCC của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N. Khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh N thụ lý, giải quyết đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Công văn số 1903/SLĐTBXH-NCC

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Công văn số 1903/SLĐTBXH-NCC: Năm 2019, ông Phạm Văn C có đơn đề nghị giải quyết chế độ tuất công nuôi liệt sỹ Phạm Văn Đ đối với cụ Phạm Thị D (là mẹ của ông C). Ngày 16/7/2019, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N ban hành Công văn số 1269/SLĐTBXH-NCC trả lời ông C về việc đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp tuất công nuôi liệt sỹ Phạm Văn Đ là không thực hiện được. Ông C tiếp tục khiếu nại cho rằng cụ D đã nuôi liệt sỹ Phạm Văn Đ trong trường hợp bị tai họa được 08 năm. Ngày 08/10/2019, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N ban hành Công văn số 1903/SLĐTBXH-NCC về việc trả lời đơn thư của ông Phạm Văn C. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N ban hành Công văn số 1903/SLĐTBXH-NCC theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung: Sau khi xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận liệt sỹ đối với ông Phạm Văn Đ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N đã báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trình Thủ tướng Chính phủ xét công nhận ông Phạm Văn Đ là liệt sỹ và được tặng Bằng “Tổ quốc ghi công” số GE 357 theo Quyết định số 1077/TTg ngày 29/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi ông Phạm Văn Đ được công nhận là liệt sỹ, căn cứ quy định về chính sách tại thời điểm năm 2003 và hồ sơ đề nghị công nhận liệt sỹ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N đã giải quyết cho ông C được nhận các khoản trợ cấp theo quy định, bao gồm: Trợ cấp thờ cúng liệt sỹ 600.000đồng, chi

phí lễ báo tử 240.000đồng. Sau đó, ông Phạm Văn C có đơn đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N xem xét giải quyết chế độ tuất công nuôi liệt sĩ Phạm Văn Đ cho cụ Phạm Thị D. Theo ông C thì bố, mẹ liệt sĩ Phạm Văn Đ chết từ nạn đói năm 1945-1946, khi đó liệt sĩ Phạm Văn Đ mới 13 tuổi; cụ D là cô ruột của liệt sĩ Phạm Văn Đ đã nhận nuôi liệt sĩ Phạm Văn Đ và đến tháng 02/1953 thì ông Đ nhập ngũ; cụ D đã nuôi liệt sĩ Phạm Văn Đ trong trường hợp bị tai họa được 08 năm, nên theo quy định tại điểm 4 Điều 19 Nghị định số 28/NĐ-CP ngày 29/4/1995 của Chính phủ: *“Người có công nuôi liệt sĩ là người đã thật sự nuôi dưỡng liệt sĩ từ nhỏ; đối xử với liệt sĩ như con đẻ; thời gian nuôi từ 10 năm trở lên khi liệt sĩ còn dưới 16 tuổi. Trường hợp nuôi liệt sĩ ở thời kỳ sơ sinh hoặc đang bị tai họa lớn mà đã nuôi liệt sĩ từ 5 năm trở lên khi còn dưới 16 tuổi cũng được xác nhận là người có công nuôi liệt sĩ”* thì cụ D được hưởng chế độ trợ cấp tuất công nuôi liệt sĩ.

[3] Xét thấy theo hồ sơ liệt sĩ Phạm Văn Đ sinh năm 1933; năm 1945 khi đồng chí Đăng 13 tuổi thì bố mẹ qua đời và được cụ D nuôi dưỡng; tháng 3/1953 đồng chí Đăng nhập ngũ và hy sinh ngày 31/7/1953. Như vậy, khoảng thời gian từ khi bố mẹ liệt sĩ qua đời đến khi liệt sĩ nhập ngũ là 08 năm, và khi được cụ D nuôi dưỡng thì liệt sĩ đã 13 tuổi, thời gian cụ D nuôi liệt sĩ khi còn dưới 16 tuổi là 04 năm. Theo các quy định chính sách của Nhà nước thì trường hợp của cụ D chưa đủ điều kiện để được giải quyết trợ cấp tuất công nuôi liệt sĩ.

[4] Căn cứ hồ sơ liệt sĩ và quy định tại điểm a khoản 2 phần IV mục A Thông tư liên tịch số 16/1998/TTLT-BLĐTBXH-BQP-BCA ngày 25/11/1998 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ quốc phòng, Bộ Công an quy định về trách nhiệm giải quyết quyền lợi đối với gia đình liệt sĩ. Sau khi nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” và hồ sơ liệt sĩ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N đã thực hiện các công việc như quyết định cấp giấy chứng nhận và trợ cấp tiền tuất gia đình liệt sĩ, lập phiếu trợ cấp tiền tuất gia đình liệt sĩ. Liệt sĩ Phạm Văn Đ được Thủ tướng Chính phủ quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” ngày 29/9/2003; cụ D chết năm 2000; cụ D đã nuôi liệt sĩ từ năm 13 tuổi đến 16 tuổi là 04 năm. Do vậy, trường hợp cụ D chưa đủ điều kiện để được giải quyết trợ cấp tuất công nuôi liệt sĩ; việc giải quyết chế độ trợ cấp tuất công nuôi liệt sĩ đối với người đã chết là không thực hiện được.

[5] Quá trình giải quyết đơn của ông C, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N đã có Công văn số 576/LĐTBXH-NCC ngày 30/6/2009 gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Cục Người có công - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 624/NCC ngày 30/7/2009 trả lời Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, có nội dung: *“Tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26/5/2006 của Chính phủ qui định: Người có công nuôi dưỡng liệt sĩ là người đã thực sự nuôi dưỡng liệt sĩ khi còn dưới 16 tuổi, đối xử như con đẻ, thời gian nuôi từ mười năm trở lên. Căn cứ quy định trên, trường hợp mẹ của ông Phạm Văn C có thời gian nuôi liệt sĩ được 04 năm nên chưa đủ điều kiện giải quyết chế độ trợ cấp tuất người có công nuôi liệt sĩ”*. Ngày 20/02/2013, ông C đến trụ sở tiếp công dân của Bộ Lao động - Thương binh và

Xã hội; ngày 13/3/2013, Cục người có công - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội có Công văn số 260/NCC-CS1 về việc thông báo ý kiến của Lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với đề nghị của ông C về chế độ công nuôi liệt sĩ, nội dung: Trường hợp của cụ Phạm Thị D chưa đủ điều kiện hưởng chế độ người có công nuôi liệt sĩ Phạm Văn Đ.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của ông Phạm Văn C đề nghị huỷ Công văn số 1903/SLĐTBXH-NCC ngày 08/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn C.

[7] Về án phí: Ông Phạm Văn C là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Bác kháng cáo của ông Phạm Văn C; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm 04/2020/HC-ST ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Về án phí: Ông Phạm Văn C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình